

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2021/DS – ST**  
Ngày: 14-4-2021  
V/v Tranh chấp  
Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hà
2. Bà Bùi Thị Kim Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H (tên gọi khác là T), sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố P, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố P, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết trong việc mua bán lúa trước đây, bà T đều thanh toán đúng hạn nên bà H tin tưởng và cho bà T vay số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 10/01/2018, sau khi giao đủ tiền cho bà T thì bà T có viết giấy tay, nội dung “Ngày 10/1/2018, chị Tiên (tên thường ngày của bà H) có cho T mượn 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn)” và bà T ký tên xác nhận, giao bản chính cho bà H giữ. Đến tháng 6/2019, vợ chồng bà T làm ăn thất bại, không trả nợ cho bà H và cố tình lẩn tránh khi bà H yêu cầu trả nợ.

Bà H xác định khoản tiền vay này bà chỉ trực tiếp giao cho bà T, ông N không biết việc vay mượn giữa bà và bà T nhưng ông N, bà T hiện vẫn là vợ chồng chưa ly hôn nên bà H yêu cầu vợ chồng bà T, ông N trả cho bà số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

Về án phí: đề nghị bị đơn phải chịu theo quy định.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N:*

Ông N và bà T là vợ chồng, hiện đang sống cùng nhau tại địa chỉ: Số 493 Tổ 7, khu phố Phước Trung, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông bà được Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông bà từ chối nhận văn bản tố tụng và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình và không có mặt theo thông báo, quyết định của Tòa án.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn bà H yêu cầu vợ chồng bà T, ông N trả cho bà 300.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến thu thập chứng cứ và hòa giải. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt do đó đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án. Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do bà H cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà H, buộc bà T phải trả số tiền là 300.000.000 đồng.

Về án phí: đề nghị bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T được xác định là “Tranh

chấp hợp đồng vay tài sản”. Các đương sự hiện cư trú tại huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện chung sống tại khu phố P, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà T, ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định tham gia phiên tòa nhưng từ chối nhận và vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn xác định vào ngày 10/01/2018 có cho bà T vay số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), không lãi suất. Vì tin tưởng nhau nên bà T viết giấy tay và ký xác nhận, đồng thời giao bản chính cho bà H giữ. Đến tháng 6/2019, khi bà H yêu cầu trả nợ thì bà T cố tình lẩn tránh.

Lời khai này phù hợp chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản chính chữ viết, chữ ký của bị đơn bà T, phù hợp với Đơn tố cáo ngày 09/7/2020 và Biên bản ghi lời khai ngày 13/7/2020 tại Công an huyện Đất Đỏ của bà H đề nghị xử lý hình sự bà T trước khi khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ. Quá trình tố tụng, bà T, ông N không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập cũng như không có văn bản ghi ý kiến, tuy nhiên tại Biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2020 và ngày 12/8/2020, bà Nguyễn Thị Phương T trình bày: bà thừa nhận có mượn tiền bà H, cụ thể không nhớ chính xác bao nhiêu, chỉ cần cung cấp giấy vay tiền mà bà ký tên thì bà sẽ trả nợ.

Bà T, ông N cố tình vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến và cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì, nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp và lời khai tại Công an huyện Đất Đỏ để xem xét giải quyết. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử khẳng định bà T còn nợ bà H số tiền 300.000.000 đồng nên phải có nghĩa vụ trả số tiền này cho bà H.

[3] Về nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Hữu N:

Bà T quan hệ làm ăn, vay mượn tiền của bà H không được ông N xác nhận. Bà H cũng thừa nhận việc vay mượn tiền là bà giao trực tiếp cho bà T, không có ông N chứng kiến cũng như không biết về khoản vay này. Bên cạnh đó, bà H không chứng minh được bà T dùng số tiền trên vào sinh hoạt chung của gia đình bà T ông N nên không có căn cứ buộc ông N có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả số tiền còn nợ cho bà H.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho bà H theo qui định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Phương T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương T phải nộp 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2020/0000981 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**TRẦN THỊ MỸ DUNG**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN THỊ MỸ DUNG**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN THỊ MỸ DUNG**

